

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ LAO DUNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 09-9-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Công Thuận.

2. Ông Dương Hồng Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST- DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: phố L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Mã Hà Bửu N; địa chỉ nơi làm việc: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng N (có mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Thanh T; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị C; cư trú tại: ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 13 tháng 5 năm 2020 của nguyên đơn Ngân hàng N (sau đây gọi là Ngân hàng N), bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Mã Hà Bửu N trình bày:

Ngày 21/12/2017 Ngân hàng N chi nhánh huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã ký Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702250 với ông Nguyễn Thanh T (vợ ông T là bà Nguyễn Thị C đã ủy quyền cho ông T đại diện cho hộ gia đình ký hợp đồng với Ngân hàng N) để vay số tiền là 60.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 22/12/2017, lãi suất là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn, mục đích sử dụng vốn vay là để sửa nhà.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 21/12/2017 Ngân hàng N chi nhánh huyện C đã giải ngân cho ông T số tiền là 60.000.000 đồng, thời hạn trả nợ theo phân kỳ trả nợ:

Kỳ 1: ngày 21/12/2018, trả gốc: 12.000.000 đồng;

Kỳ 2: ngày 21/12/2019; trả gốc: 12.000.000 đồng;

Kỳ 3: ngày 21/12/2020; trả gốc: 12.000.000 đồng;

Kỳ 4: ngày 21/12/2021; trả gốc: 12.000.000 đồng;

Kỳ 5: ngày 21/12/2020; trả nợ gốc là 12.000.000 đồng.

Trả lãi theo kỳ hạn trả gốc.

Từ khi vay tiền đến nay, ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc theo kỳ, tính đến ngày 09/9/2020 ông T còn nợ Ngân hàng N số tiền gốc và lãi: 83.961.667 đồng, trong đó nợ gốc: 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.205.001 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.776.666 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702250 tính đến ngày 09/9/2020 là 83.961.667 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông T, bà C trả dứt nợ cho Ngân hàng N.

- Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 30/6/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông T trình bày: ông T thừa nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702250 với Ngân hàng N chi nhánh huyện C, việc ký hợp đồng được sự đồng ý của vợ ông T là bà Nguyễn Thị C bằng văn bản ủy quyền cho ông T đại diện cho hộ gia đình ký hợp đồng với Ngân hàng N để vay số tiền 60.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 22/12/2017, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn, mục đích sử dụng vốn vay để sửa nhà, trả nợ gốc và lãi theo phân kỳ trả nợ như Ngân hàng N trình bày.

Sau khi vay tiền, do kinh tế khó khăn, nên ông T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng N. Ông T đồng ý tính đến ngày 09/9/2020, nợ gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng tổng cộng:

83.961.667 đồng, trong đó nợ gốc: 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.205.001 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.776.666 đồng.

Ông T thống nhất cùng vợ là bà Nguyễn Thị C cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng N, nhưng xin được trả dần trong thời gian ba năm, mỗi năm trả nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T và bà C trả dứt nợ cho Ngân hàng N.

- Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C vắng mặt, bà C cũng không thể hiện ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án, nên không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án: kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn cư trú tại ấp C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật: nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký và thực hiện, mục đích vay là để sửa nhà. Do đó, Hội đồng xét xử xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702250 ngày 21/12/2017 được ký giữa người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N và ông T. Ông T tham gia ký hợp đồng có được sự đồng ý vợ là bà Nguyễn Thị C. Tại thời điểm ký kết các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại Điều 117, 118 và 119 của Bộ luật dân sự, nên có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu trả nợ vay gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702250 ngày 21/12/2017 tính đến ngày 09/9/2020 với tổng số tiền: 83.961.667 đồng, trong đó nợ gốc: 60.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 18.205.001 đồng, nợ lãi quá hạn: 5.776.666 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất xác nhận: quá trình thực hiện hợp đồng Ngân hàng N đã giải ngân và bị đơn đã nhận được số tiền vay là 60.000.000 đồng, thời gian vay 60 tháng kể từ ngày 22/12/2017, lãi suất cho vay 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn, mục đích sử dụng vốn vay để sửa nhà. Sau khi vay tiền, bị đơn do điều kiện kinh tế khó khăn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tính đến ngày 09/9/2020 bị đơn vẫn chưa thanh toán nợ gốc và lãi đúng theo thỏa thuận trong hợp đồng cho Ngân hàng N. Do ông T đã vi phạm thỏa thuận tại Điều 5 của Hợp đồng tín dụng số 7613-LAV-201702250 ngày 21/12/2017. Nên việc Ngân hàng N yêu cầu ông T trả tiền vay gốc và lãi nêu trên là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

[6] Ông T ký hợp đồng vay tiền với mục đích sửa nhà, có sự đồng ý của vợ là bà Nguyễn Thị C, nên việc Ngân hàng N yêu cầu ông T và bà C có trách nhiệm liên đới hoàn trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng N là có căn cứ theo quy định tại Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Xét ý kiến của ông T đề nghị trả dần khoản vay gốc và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, ý kiến của bị đơn không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[8] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng N không phải chịu. Ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 117, điều 118, điều 119 Bộ luật Dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2010/TT-NHNN ngày 30/12/2016; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc và lãi 83.961.667 (tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi một ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, trong đó nợ gốc 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 18.205.001 (mười tám triệu, hai trăm lẻ năm ngàn, không trăm lẻ một) đồng, nợ lãi quá hạn 5.776.666 (năm triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 10/9/2020 ông T và bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông T và bà C phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thanh T và bà Nguyễn Thị C phải chịu trách nhiệm liên đới nộp 4.198.083 (bốn triệu, một trăm chín mươi tám ngàn, không trăm tám mươi ba) đồng; Ngân hàng N không phải chịu án phí, trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.017.000 (hai triệu, không trăm mười bảy ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002931 ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

3. Quyền kháng cáo: nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án này trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Ngoan